TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2020
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V,
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trịnh Thị Thường
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải
Ông Đặng Ngọc Thương

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Ngọc Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hiên – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 149/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020 về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị S, sinh năm 1989.

Hộ khẩu thường trú và địa chỉ hiện nay: 468/21 đường H, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1979.

Hộ khẩu thường trú: A905 Chung cư H, Trung tâm Thương mại, phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ hiện nay: 365 đường T, Phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa nguyên đơn bà Vũ Thị S trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hoàng H chung sống với nhau từ năm 2018, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào năm 2018. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và không bị ép buộc.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu bà và ông H chung sống hạnh phúc tại số nhà 468/21 đường H, phường N, thành phố V và có 01 con chung tên là: Nguyễn Hoàng Tuấn V, sinh ngày 21-3-2019.

Thời gian gần đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm với nhau, bà S cho rằng ông H không có trách nhiệm với vợ con. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng cãi vã nhau nhiều lần về vấn đề kinh tế. Bà và ông H đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Hiện nay hai bên đã sống ly thân, ông H đã chuyển ra ngoài sinh sống.

Nay, nhận thấy cuộc sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà S nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng H.

Về con chung: Bà và ông H có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Tuấn V, sinh ngày 21-3-2019, bà S có nguyện vọng được nuôi con. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Tại thời điểm nộp đơn khởi kiện bà S yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Tuy nhiên do hiện nay ông H không có việc làm, thu nhập ổn định nên bà S xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà S không yêu cầu ông H cấp dưỡng .

Về tài sản chung và nợ chung: Bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và qua các lần làm việc tại Tòa án, bị đơn – ông Nguyễn Hoàng H trình bày:

Ông và bà Vũ Thị S chung sống với nhau từ năm 2018, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào năm 2018. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và không bị ép buộc.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu ông và bà S chung sống hạnh phúc tại địa chỉ 468/21 đường 2/9, phường Nguyễn An Ninh, thành phố V và có 01 con chung tên là: Nguyễn Hoàng Tuấn V, sinh ngày 21-3-2019.

Thời gian gần đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm nhau trong vấn đề kinh tế gia đình và vấn đề văn hóa gia đình, vợ chồng có cãi vã nhau nhiều lần nên ông H đã dọn ra ngoài sinh sống. Hiện nay ông và bà S đã sống ly thân nhau. Tuy nhiên vì còn thương vợ con nên ông H mong muốn bà S suy nghĩ lại cho ông H thời gian để sửa chữa bản thân, tạo niềm tin cho vợ con.

Bà S yêu cầu xin ly hôn, ông H không đồng ý ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng.

Trường hợp bà S vẫn cương quyết ly hôn thì ông H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Ông H xác nhận ông và bà S có 01 con chung tên là Nguyễn Hoàng Tuấn V, sinh ngày 21-3-2019. Trường hợp ông và bà S ly hôn thì ông có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, tại phiên tòa ông H vắng mặt không có lý do, không vì trở ngại khách quan.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Do mâu thuẫn giữa bà S và ông H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố V. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Vũ Thị S yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng H có địa chỉ cư trú tại thành phố V. Căn cứ Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là vụ án "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ban đầu bị đơn - ông H đến Tòa án làm việc, nhưng về sau ông H vắng mặt, không hợp tác, Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H là phù hợp quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Bà Vũ Thị S và ông Nguyễn Hoàng H tự nguyện tìm hiểu, chung sống có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét về tình trạng hôn nhân giữa bà S và ông H thì thấy: Theo bà S thì nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm với nhau, bà S cho rằng ông H không có trách nhiệm với vợ con. Cuộc sống vợ chồng sống không hạnh phúc, vợ chồng cãi vã nhau nhiều lần về vấn đề kinh tế. Bà và ông H chung sống với nhau không hạnh phúc, vợ chồng cãi vã nhau. Hiện nay bà và ông H đã sống ly thân nhau, mỗi người một chỗ ở riêng.

Ông H cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm nhau trong vấn đề kinh tế gia đình và vấn đề văn hóa gia đình, vợ chồng có cãi vã nhau nhiều lần nên ông H đã dọn ra ngoài sinh sống. Hiện nay ông và bà S đã sống ly thân nhau. Tuy nhiên vì còn thương vợ con nên ông H mong muốn bà S suy nghĩ lại cho ông H thời gian 02 (hai) tháng để sửa chữa bản thân, tạo niềm tin cho vợ con.

Theo xác minh tại địa phương, nơi bà S và ông H cùng cư trú sau khi kết hôn thì quá trình sinh sống bà S và ông H có 01 con chung tên là Nguyễn Hoàng Tuấn V, sinh ngày 21-3-2019. Tuy nhiên bà S và ông H thường xuyên cãi vã nhau, vì mâu thuẫn trong gia đình; từ đầu năm 2020 ông H đã bỏ nhà đi, bà S và ông H sống ly thân từ đó cho đến nay; còn bà S và cháu V vẫn sinh sống tại địa phương, bà S vẫn chăm sóc con tốt và có sự hỗ trợ từ phía gia đình nhà bà S trong việc chăm sóc cháu V.

Tại phiên tòa, bà S xác định không còn tình cảm vợ chồng đối với ông H, khoảng đầu năm 2020 hai bên không còn sống chung và đã sống ly thân với nhau cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc đến nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn xảy ra trong quan hệ vợ chồng giữa bà S và ông H là có thật, vợ chồng cũng cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Vợ

chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không có khả năng hàn gắn tình cảm. Do vậy, mâu thuẫn hôn nhân là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S là phù hợp.

Về con chung: Bà Vũ Thị S và ông Nguyễn Hoàng H có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Hoàng Tuấn V, sinh ngày 21-3-2019, bà S có nguyện vọng được nuôi cháu V. Xét thấy, hiện nay cháu V còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) và đang sống cùng bà S, từ khi bà và ông H ly thân đến nay cháu V được bà S chăm sóc, nuôi dưỡng; tuy nhiên ông H cũng có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà S cấp dưỡng. Tại phiên tòa bà S có nguyện vọng tiếp tục nuôi con đến trưởng thành, ông H vắng mặt không lý do, để tránh cuộc sống hiện tại của cháu V bị xáo trộn, không làm ảnh hưởng đến tâm lý của cháu, hiện nay cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ nên giao cháu V cho bà S tiếp tục được quyền nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà S cho rằng hiện nay ông H không có việc làm, thu nhập ổn định nên bà xin thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với ông H: Không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Việc thay đổi yêu cầu của bà S không vượt quá phạm vi khởi kiện nên căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà S và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3].Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19; Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị S đối với ông Nguyễn Hoàng H.

1. Về hôn nhân: Bà Vũ Thị S ly hôn với ông Nguyễn Hoàng H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Tuấn V, sinh ngày 21-3-2019 cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng, bà S không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Hoàng H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền

tạm ứng án phí số 0000082 ngày 02 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố V.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- VKSND Tp.V;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp.V;
- Các đương sự;
- UBND phường N, Tp.V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Thường